

Số: 553/2020/QĐHNGĐ-ST

Gò Vấp, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 176/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Thân Trần Đức T, sinh năm 1993; Hộ khẩu thường trú: thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Tạm trú: huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Thân Trần Đức T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 20/10/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo Đơn yêu cầu đề ngày 10/02/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28/5/2020, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Thân Trần Đức T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; có 01 con chung tên Thân Nguyễn Thảo N, sinh ngày 22/12/2017 giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ Thảo N tròn đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Thân Trần Đức T thật sự tự nguyện ly hôn, thống nhất về vấn đề con chung và thống nhất không có tài sản chung, nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Thân Trần Đức T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Thân Nguyễn Thảo N, sinh ngày 22/12/2017. Bà N và ông T thỏa thuận giao trẻ Thảo N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ Thảo N tròn đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hằng tháng vào ngày mùng 10 dương lịch, bắt đầu thực hiện từ tháng 06/2020.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà N và ông T chịu, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà N và ông T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0025638 ngày 19 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N và ông T đã nộp đủ lệ phí tòa án.

2. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- CCTHADS Q. Gò Vấp;
- UBND Phường 17, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Lê Hoàng Ngọc Hải**